

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

Số: 033002/CBTT.FCM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nam, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

- Mã chứng khoán: **FCM**

- Địa chỉ trụ sở chính: **Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam**

- Điện thoại: **0226 3533038**

Fax : **0226 3533897**

- Email: **info@feconmining.com.vn**

Website: **feconmining.com.vn**

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 thay đổi 10% với năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/3/2022 tại đường dẫn: **<http://feconmining.com.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

CV số: 220330/CV-FCM ngày 30/3/2022.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN FECON

Người được UQ CBTT



Nguyễn Hữu Thiều

Số: 220330/CV-FCM
V/v: Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài
chính riêng và hợp nhất năm thay đổi 10%
so với năm trước

Hà Nam, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ vào số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng và hợp nhất được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 có sự biến động so với cùng kỳ năm trước. Công ty cổ phần khoáng sản **FECON (Mã cổ phiếu: FCM)** xin được giải trình như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi	
			Trị giá	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	420.217.079.207	454.324.660.895	-34.107.581.688	-8%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	383.436.022.251	397.269.543.430	-13.833.521.179	-3%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.781.056.956	57.055.117.465	-20.274.060.509	-36%
Doanh thu hoạt động tài chính	379.959.384	5.774.658.749	-5.394.699.365	-93%
Chi phí tài chính	7.023.513.872	8.595.789.571	-1.572.275.699	-18%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>6.713.157.169</i>	<i>8.502.749.549</i>	<i>-1.789.592.380</i>	<i>-21%</i>
Chi phí bán hàng	0	182.675.000	-182.675.000	-100%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.749.179.619	12.342.722.754	2.406.456.865	19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.388.322.849	41.708.588.889	-26.320.266.040	-63%
Thu nhập khác	719.235.050	1.689.923.913	-970.688.863	-57%
Chi phí khác	101.060.761	92.266.056	8.794.705	10%
Lợi nhuận khác	618.174.289	1.597.657.857	-979.483.568	-61%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	16.006.497.138	43.306.246.746	-27.299.749.608	-63%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.209.896.167	7.631.249.349	-4.421.353.182	-58%
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	12.796.600.971	35.674.997.397	-22.878.396.426	-64%

Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trên báo cáo tài chính riêng giảm 64% so năm 2020 là do:

o Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 giảm 8% so với năm trước, tương ứng giảm 34 tỷ so với năm 2020 nguyên nhân là do tình hình dịch bệnh SARS-CoV2 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, các dự án lớn đều dừng thi công theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ cách ly toàn xã hội.

- Giá vốn hàng bán năm 2021 giảm 3% so với năm trước là do giảm tương ứng với doanh thu
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 giảm 93% so với năm 2020 tương ứng giảm hơn 5 tỷ đồng là do năm 2020 công ty nhận cổ tức 5,1 tỷ từ khoản đầu tư vào công ty con là Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 19% so với năm 2020 tương ứng tăng 2,4 tỷ là năm 2021 là năm ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19, dẫn đến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong khả năng thanh toán công nợ, tình hình thu hồi công nợ của công ty cũng gặp nhiều khó khăn, tăng tuổi nợ quá hạn nên công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi trong năm 2021 là 5 tỷ, tăng hơn 3 tỷ so với năm 2020.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi	
			Trị giá	Tỷ lệ %
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	599.686.317.334	571.836.632.554	27.849.684.780	5%
Các khoản giảm trừ doanh thu	460.922.000	77.740.455	383.181.545	493%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	599.225.395.334	571.758.892.099	27.466.503.235	5%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	549.179.013.719	505.625.361.128	43.553.652.591	9%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.046.381.615	66.133.530.971	-16.087.149.356	-24%
Doanh thu hoạt động tài chính	611.622.653	989.717.559	-378.094.906	-38%
Chi phí tài chính	9.272.260.928	10.915.639.403	-1.643.378.475	-15%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>8.961.904.225</i>	<i>10.814.351.359</i>	<i>-1.852.447.134</i>	<i>-17%</i>
Chi phí bán hàng	1.636.263.819	2.151.172.631	-514.908.812	-24%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.833.252.263	20.045.499.365	3.787.752.898	19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.916.227.258	34.010.937.131	-18.094.709.873	-53%
Thu nhập khác	912.686.991	1.728.818.459	-816.131.468	-47%
Chi phí khác	262.199.132	410.313.997	-148.114.865	-36%
Lợi nhuận khác	650.487.859	1.318.504.462	-668.016.603	-51%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.566.715.117	35.329.441.593	-18.762.726.476	-53%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.209.896.167	7.460.481.970	-4.250.585.803	-57%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.356.818.950	27.868.959.623	-14.512.140.673	-52%

Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm giảm 52% so năm 2020 là do:

- Doanh thu thuần hợp nhất từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng 5% so với năm 2020 (trong đó doanh thu công ty mẹ giảm 8% so với năm trước), tương ứng tăng gần 27,5 tỷ đồng (trong đó doanh thu công ty mẹ giảm 34 tỷ so với năm 2020) nguyên nhân là do tình hình dịch bệnh SARS-CoV2 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, các dự án lớn đều dừng thi công theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ cách ly toàn xã hội.
- Giá vốn hàng bán hợp nhất tăng 9% so với năm 2020 là do tăng tương ứng so với doanh thu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 19% so với năm 2020 tương ứng tăng 3,7 tỷ là năm 2021 là năm ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19, dẫn đến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong khả năng thanh toán công nợ, tình hình thu hồi công nợ của công ty cũng gặp nhiều khó khăn, tăng tuổi nợ quá hạn nên công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi trong năm 2021 là 8,6 tỷ trong khi năm 2020 trích lập 4 tỷ.

Bằng công văn này Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin được giải trình với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, các quý cổ đông và nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VP.



Phạm Trung Thành